TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 26 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc *"Tranh chấp ly hôn",* giữa:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mỹ T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Đức M mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T đồng ý nộp thay án phí cho anh M do đó chị T phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã đóng theo biên lai thu số 0003003 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Huỳnh Thị Mỹ T được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Số 09/2018, ngày 08/02/2018);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Quyền